

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Xôm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Khắc Thiện.

2. Ông: Khoàng Văn Hặc.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Chúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12/7/2022 về tranh chấp Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ly Thị S – Sinh năm: 1983 – Có mặt.

Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Giàng A S – Sinh năm: 1991 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Đ (hiện đang chấp hành án tại đội 07, phân trại số 01, Trại giam N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ).

- Người phiên dịch cho nguyên đơn: Anh Ly A T, địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 05 tháng 7 năm 2022, quá trình giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Ly Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị S và anh S quá trình quen biết, tìm hiểu nhau, được sự nhất chí của hai bên gia đình sau đó tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương chung sống với nhau từ năm 2010. Đến ngày 27/9/2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên trên cơ sở tự nguyện. Từ khi về chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách khác nhau và không thông cảm cho nhau, mặc dù chị S đã cố gắng để vợ chồng hiểu nhau và thông cảm cho nhau để

có cuộc sống tốt hơn nhưng do anh S nghiện ma túy vì vậy cuộc sống ngày càng mâu thuẫn căng thẳng hơn. Cuối năm 2018, do anh S nghiện ma túy đã bị bắt và bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 20 năm tù nay đang chấp hành án tại trại giam Nà Tấu, từ khi anh S đi chấp hành án cuộc sống của chị S gặp nhiều khó khăn hơn vì áp lực, bất hòa với bố mẹ chồng. Anh S đi chấp hành án với mức án 20 năm tù, chị không chịu được áp lực từ bố mẹ chồng cũng như muốn ổn định cuộc sống để chăm sóc các con.

Đến nay chị S xác định không còn tình cảm với anh S nên làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị S và anh S có 03 con chung, cháu Giàng A N, sinh ngày: 05/12/2000, cháu Giàng A D, sinh ngày: 14/3/2013 và cháu Giàng Thị Nà, sinh ngày: 15/3/2018. Chị S có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 24/8/2022, trong quá trình giải quyết anh Giàng A S bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Những phần trình bày của chị S là hoàn toàn đúng sự thật, anh chị đăng ký kết vào ngày 27/9/2012 tại UBND xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2018 cho đến nay thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị S xin ly hôn, nguyên nhân là do anh đi chấp hành án nên cuộc sống của vợ với bố mẹ chồng có sự bất hòa. Tuy phải đi chấp hành án 20 năm nhưng anh S vẫn còn tình cảm với chị S nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh S và chị S có 03 con chung, cháu Giàng A N, sinh ngày: 05/12/2000, cháu Giàng A D, sinh ngày: 14/3/2013 và cháu Giàng Thị N, sinh ngày: 15/3/2018. Hiện tại anh S đang đi chấp hành án không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con. Anh S đồng ý để chị S nuôi dưỡng, giáo dục các con, vì anh S đang đi chấp hành án nên anh không có khả năng cấp dưỡng, có gì anh sẽ cho con tùy thuộc vào khả năng của mình.

Về tài sản chung, tài sản riêng; nợ chung: Anh S và chị S cùng thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của anh S, chị S ngày 22/8/2022, thể hiện: chị S và anh S có tình hiểu và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đến ngày 27/9/2012 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Tùng. Cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh S nghiện ma túy, hiện tại anh S đang đi chấp hành án tại trại giam Nà Tấu. Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chị S và anh S đều không có công ăn việc làm, thu nhập không ổn định, tuy nhiên hiện tại anh S đang đi chấp hành án nên chị S là người ở nhà lao động sản xuất có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các con hơn.

*** Theo đơn trình bày nguyện vọng của các con:** Cháu Giàng A N, sinh ngày: 05/12/2000, cháu Giàng A D, sinh ngày: 14/3/2013 đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm thủ tục tố tụng; cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; khoản 1, 2, 3 Điều 72, khoản 1 Điều 228 BLTTDS; Điều 8, Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53, Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật HN&GD. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ly Thị S. Tuyên xử cho chị Ly Thị S được ly hôn với anh Giàng A S.

Về con chung: Đề nghị ghi nhận theo nguyện vọng của các cháu, chị S và anh S thỏa thuận và thống nhất giao các cháu Giàng A N, sinh ngày: 05/12/2000, cháu Giàng A D, sinh ngày: 14/3/2013 và cháu Giàng Thị N, sinh ngày: 15/3/2018 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Ghi nhận việc chị S không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Trong quá trình giải quyết tại biên bản hòa giải ngày 24/8/2022, chị S và anh S cùng thống nhất sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy không đề nghị.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị S là người dân tộc thiểu số, sinh sống khu vực kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên HĐXX miễn toàn bộ án phí sơ thẩm HNGĐ cho chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nuôi con chung khi ly hôn bị đơn trú tại bản N, xã M, huyện M, tỉnh Đ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Về hôn nhân:

[2]. Chị S và anh S sau khi tìm hiểu, chung sống và đi đến đăng ký kết hôn ngày 27/9/2012, tại UBND xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, trên cơ sở tự nguyện tuân thủ các quy định của luật hôn nhân và gia đình

Việt Nam. Vậy, hôn nhân giữa anh S và chị S là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh chị hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2018, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặt khác do anh S nghiện ma túy và bị xử phạt tù 20 năm tù giam nay đang đi chấp hành án tại trại giam Nhà Tù, chị S ở nhà bất đồng với bố mẹ chồng. Anh S đi chấp hành án phạt tù, nên cuộc sống của chị S gặp nhiều khó khăn, không ổn định được để chăm lo cho các con. Tại biên bản xác minh ngày 22/8/2022, tại nơi cư trú của anh S và chị S, xác định thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh S nghiện ma túy.

Tại phiên tòa chị S vẫn khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin được ly hôn với anh S. HĐXX thấy rằng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị S vẫn khẳng định cuộc sống chung cùng bố mẹ chồng chị gặp rất nhiều khó khăn, vì bị bố mẹ chồng cấm đoán, chồng thì không ở nhà đang đi chấp hành án, lúc chồng ở nhà cũng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do chồng nghiện ma túy, đến nay chị không còn tình cảm với anh S. Còn anh S cho rằng vẫn còn tình cảm với chị S không muốn ly hôn, tuy nhiên theo bản án mà anh S còn phải chấp hành án phạt tù còn hơn 15 năm do vậy không thể có cuộc sống chung hạnh phúc được, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài được nên HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị S đối với anh S.

Xét về con chung:

[3]. Xét nguyện vọng của 02 cháu và thỏa thuận thống nhất của chị S và anh S, HĐXX thấy rằng: Cháu N và cháu D đã trên 7 tuổi, cháu N chưa đến 7 tuổi, cháu N và cháu D có nguyện vọng được ở cùng mẹ, phù hợp với việc thỏa thuận của chị S và anh S nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và đảm bảo sự phát triển bình thường cả về vật chất và tinh thần cho các cháu chấp nhận theo nguyện vọng của các cháu và sự thỏa thuận thống nhất của chị S và anh S, nên giao các cháu cho chị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động là phù hợp. Ghi nhận việc chị S không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét về tài sản chung, riêng và công nợ:

[4]. Trong quá trình giải quyết tại biên bản hòa giải ngày 24/8/2022, tại trại Giam N, xã N, thành phố Đ, chị S và anh S cùng thống nhất sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị miễn toàn bộ án phí sơ thẩm HNGĐ cho chị S.

Về ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, phù hợp với quan điểm của HĐXX nên có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Khoản 1, 2, 3 Điều 72; khoản 1 Điều 228 BLTTDS; Điều 8, Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật HN&GD

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ly Thị S. Chị Ly Thị S được ly hôn với anh Giàng A S.

2. Về con chung: Ghi nhận theo nguyện vọng của các cháu, chị S và anh S thỏa thuận và thống nhất giao cháu Giàng A N, sinh ngày: 05/12/2000, cháu Giàng A D, sinh ngày: 14/3/2013 và cháu Giàng Thị N, sinh ngày: 15/3/2018 cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động. Ghi nhận việc chị S không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S. Anh Giàng A S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau khi ly hôn, Tòa án xem xét và quyết định khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm HNGĐ cho chị S.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 22/9/2022. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quàng Văn Xôm